



**ASEAN SECURITIES**  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

# BÁO CÁO CƠ HỘI ĐẦU TƯ

## Duy trì đà hồi phục

*ASEANSC Research | 20-04-2026*



# MỤC LỤC



**1**

**Nhận định thị trường chứng khoán:**

**3**

**VN Index tiếp đà hồi phục**

**2**

**Chiến lược giao dịch ngắn hạn:**

**4**

**Ưu tiên cổ phiếu thu hút dòng tiền**

**3**

**Chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền:**

**7**

**Phân bổ vốn hợp lý**

**4**

**Chiến lược đầu tư năm 2026:**

**23**

**Tiếp tục tích lũy, gom mua cổ phiếu**

# 1. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

➤ **VN-Index ghi nhận tuần phục hồi thứ 4 liên tiếp trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị có dấu hiệu hạ nhiệt. Chỉ số kết tuần quanh mức 1.817,17 điểm, tăng 3,84% so với thứ Sáu liền trước.** Toàn thị trường diễn biến phân hóa, trong đó dòng tiền tập trung chủ yếu ở nhóm Vingroup, tiếp theo là Bán lẻ. Ngược lại áp lực bán thuộc về nhóm Công nghệ

➤ **Trong ngắn hạn, VN-Index nhiều khả năng sẽ hồi phục nhẹ trong thời gian tới.** Nhà giao dịch Trading nên ưu tiên các cổ phiếu đang nhận được sự ưu tiên của dòng tiền lớn bên cạnh các thông tin hỗ trợ (KQKD khả quan, cổ tức tiền mặt, tăng vốn, thoái vốn,...)

➤ **Trong trung hạn, thị trường chứng khoán nhiều khả năng sẽ duy trì xu thế tăng trưởng với nhiều động lực hỗ trợ.** Theo đó, Quốc hội đã thông qua kế hoạch tăng trưởng GDP 2026F của Việt Nam đạt từ 10% trở lên, đồng nghĩa với chính sách vĩ mô nơi lỏng sẽ tiếp tục được ưu tiên. Thêm vào đó, định giá thị trường vẫn đang thấp hơn đáng kể so với chu kỳ “bơm tiền” 2020 – 2021. Chúng tôi nhận định VN Index sẽ dao động quanh vùng 1.900 – 2.000 điểm trong năm 2026 dựa trên tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường bên cạnh mẫu hình sóng Elliot của VN-Index.

## VN Index tiếp đà phục hồi



Nguồn: Fireant, ASEANSC Research tổng hợp

## 2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

- **Nhà giao dịch ngắn hạn tham khảo danh sách cổ phiếu tiềm năng được cung cấp bởi ASEANSC Research để tìm kiếm cơ hội Trading.** Các cổ phiếu trong danh sách được lựa chọn theo các công cụ kỹ thuật mà chúng tôi xây dựng (Siêu chỉ báo, Đột biến khối lượng, Phân kỳ tăng giá, v.v) trong đó ưu tiên tìm kiếm các đại diện đang nhận được sự quan tâm của dòng tiền lớn.
- **Nhà giao dịch ngắn hạn không nên thực hiện all-in cho một cổ phiếu mà cần đa dạng hóa dựa theo khẩu vị rủi ro của bản thân nhà đầu tư.**
- **Nhà đầu tư nên cân nhắc điểm mua tại các nhịp điều chỉnh hoặc các nền tích lũy của cổ phiếu, đồng thời cần hạn chế tâm lý FOMO mua đuổi tại các giai đoạn cổ phiếu kéo giá liên tục.**
- **Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5% (tính trên giá mua của nhà đầu tư).**
- **Nhà đầu tư tham khảo trạng thái margin đề xuất để xem xét sử dụng margin (vốn vay) tại các giai đoạn thị trường thuận lợi.** Các mức đề xuất của chúng tôi gồm có: (i) Không sử dụng, (ii) Thấp (10% - 30%), (ii) Trung bình (30% - 50%), (iv) Cao (>50%).
- **Thời gian nắm giữ cổ phiếu trong danh mục từ T+3 đến T+10.**
- **Hệ số Beta thể hiện tính biến động của cổ phiếu so với thị trường.** Chẳng hạn Beta >1 có nghĩa cổ phiếu này có độ biến động cao hơn so với thị trường chung.



Nguồn: ASEANSC tổng hợp

## 2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

### Danh sách cổ phiếu Trading cho tuần 20/04/2026 – 24/04/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Vùng mục tiêu kỳ vọng (1.000 đ)	Tỷ lệ Margin đề xuất
VCB	Ngân hàng	58 – 59	61 +/-	<b>Thấp (10% - 30%)</b>
VPB	Ngân hàng	27 – 28	30 +/-	
HCM	Chứng khoán	25 – 26	28 +/-	
VHM	Bất động sản	125 – 130	135 +/-	
MWG	Bán lẻ	82 – 85	88 +/-	
MSN	Bán lẻ	77 – 79	82 +/-	

\* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



## 2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Hiệu suất danh mục Trading cho tuần 13/04/2026 – 17/04/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Biến động trong tuần
STB	Ngân hàng	62 – 64	-4,33%
VCB	Ngân hàng	58 – 59	-0,5%
BID	Ngân hàng	39 – 40	-1,23%
TCB	Ngân hàng	30,5 – 31,5	0%
HPG	Thép	26,5 – 27,5	0%
GEX	Điện	37 – 38,5	-2,74%

\* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Đối với chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền, nhà đầu tư nên tìm kiếm cơ hội theo các chủ điểm sau:

<b>Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa</b>	<b>Căng thẳng Trung Đông</b>
<b>Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới</b>	<b>Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân</b>
<b>Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước</b>	<b>Tiêu dùng - bán lẻ khởi sắc</b>
<b>BDS Khu công nghiệp khởi sắc</b>	<b>Mùa KQKD &amp; định giá quay về lợi nhuận</b>
<b>Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)</b>	<b>Đầu tư công &amp; siêu chu kỳ hạ tầng</b>
<b>Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện &amp; nhu cầu 2 chữ số</b>	<b>Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí &amp; điện khí</b>
<b>Trụ/bluechips thanh khoản đỡ thị trường</b>	<b>Nâng hạng FTSE &amp; cải cách thị trường</b>
<b>Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)</b>	<b>Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO &amp; tăng vốn &amp; tài sản số)</b>
<b>Cổ Phiếu Có Lợi Tức Dự Kiến <math>\geq</math> 6%</b>	

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(366)	8	(358)	10%	5%	12.939	20,5	1,8
VNM	618	126	745	26%	1%	20.900	13,7	3,7
BVH	155	48	204	12%	21%	7.423	14,4	2,4
POW	(190)	(20)	(210)	8%	29%	30.678	15,8	1,0
VGC	68	(18)	49	15%	12%	4.484	14,6	1,8
GAS	128	13	141	17%	12%	24.129	17,4	2,9
BSR	375	5	380	9%	192%	50.073	26,6	2,3

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	110	(140)	(30)	27%	20%	17.035	13,8	3,0
HDB	260	(433)	(173)	25%	28%	50.053	7,2	1,5
GMD	330	(6)	323	16%	43%	4.265	20,0	2,2
DGW	76	109	185	17%	1640%	2.213	18,2	2,9
PNJ	77	(47)	30	23%	31%	3.413	13,1	2,8
REE	384	(15)	369	13%	15%	5.417	37,8	1,6
VPB	518	60	578	15%	35%	79.339	8,7	1,2
ACB	69	180	249	17%	14%	51.367	7,8	1,3
TCB	147	2	149	15%	10%	70.862	8,1	1,2
MWG	170	(208)	(37)	23%	525%	14.697	17,0	3,6

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
<b>PLX</b>	(366)	8	(358)	10%	5%	12.939	20,5	1,8
<b>OIL</b>	(81)	(1)	(82)	4%	-10%	2.014	37,7	1,4
<b>GAS</b>	128	13	141	17%	12%	24.129	17,4	2,9
<b>PVS</b>	601	208	809	12%	30%	5.114	12,0	1,4
<b>PVD</b>	139	46	185	6%	-224%	5.563	19,3	1,2
<b>BSR</b>	375	5	380	9%	192%	50.073	26,6	2,3

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(366)	8	(358)	10%	5%	12.939	20,5	1,8
OIL	(81)	(1)	(82)	4%	-10%	2.014	37,7	1,4
GAS	128	13	141	17%	12%	24.129	17,4	2,9
PVS	601	208	809	12%	30%	5.114	12,0	1,4
PVD	139	46	185	6%	-224%	5.563	19,3	1,2
BSR	375	5	380	9%	192%	50.073	26,6	2,3

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(366)	8	(358)	10%	5%	12.939	20,5	1,8
GVR	148	(18)	131	10%	9%	40.000	23,4	2,1
BVH	155	48	204	12%	21%	7.423	14,4	2,4
POW	(190)	(20)	(210)	8%	29%	30.678	15,8	1,0
BID	651	(355)	296	18%	31%	70.214	8,8	1,6
GAS	128	13	141	17%	12%	24.129	17,4	2,9
BSR	375	5	380	9%	192%	50.073	26,6	2,3
VCB	603	(406)	197	16%	13%	83.557	13,9	2,2
CTG	24	199	224	21%	-12%	77.669	7,8	1,5

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Tiêu dùng – Bán lẻ khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VNM	618	126	745	26%	1%	20.900	13,7	3,7
DGW	76	109	185	17%	1640%	2.213	18,2	2,9
PNJ	77	(47)	30	23%	31%	3.413	13,1	2,8
MSN	(119)	118	(0)	16%	18%	14.459	25,7	2,3
FRT	108	136	244	27%	-69%	1.703	34,8	5,4
MWG	170	(208)	(37)	23%	525%	14.697	17,0	3,6

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện BĐS Khu công nghiệp khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
IDC	148	141	289	30%	70%	3.795	9,5	2,2
BCM	5	4	9	16%	26%	10.350	16,2	2,4
KBC	396	(131)	265	9%	112%	9.418	12,3	1,0
SIP	12	(3)	9	27%	14%	2.421	10,2	2,4
TIP	1	(0)	1	12%	26%	650	3,3	0,6
VGC	68	(18)	49	15%	12%	4.484	14,6	1,8
LHG	4	2	6	16%	5%	500	4,8	0,8
PHR	39	(0)	38	13%	9%	1.355	16,3	2,0
NTC	(1)	-	(1)	26%	3%	240	9,6	2,6
SZC	37	(13)	24	11%	6%	1.800	15,4	1,7

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện mùa KQKD & định giá quay về lợi nhuận

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	110	(140)	(30)	27%	20%	17.035	13,8	3,0
HPG	505	(76)	429	12%	3%	76.755	13,2	1,6
PNJ	77	(47)	30	23%	31%	3.413	13,1	2,8
DCM	490	226	716	19%	32%	5.294	13,3	2,4
VPB	518	60	578	15%	35%	79.339	8,7	1,2
MBB	143	(8)	135	21%	20%	80.550	7,7	1,4
MWG	170	(208)	(37)	23%	525%	14.697	17,0	3,6
CTG	24	199	224	21%	-12%	77.669	7,8	1,5

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
STB	(5)	(680)	(685)	10%	-37%	18.852	19,2	1,9
HDB	260	(433)	(173)	25%	28%	50.053	7,2	1,5
BID	651	(355)	296	18%	31%	70.214	8,8	1,6
VPB	518	60	578	15%	35%	79.339	8,7	1,2
MBB	143	(8)	135	21%	20%	80.550	7,7	1,4
ACB	69	180	249	17%	14%	51.367	7,8	1,3
VCB	603	(406)	197	16%	13%	83.557	13,9	2,2
TCB	147	2	149	15%	10%	70.862	8,1	1,2
CTG	24	199	224	21%	-12%	77.669	7,8	1,5

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
HPG	505	(76)	429	12%	3%	76.755	13,2	1,6
PLC	(4)	1	(2)	1%	47%	808	138,8	1,5
FCN	29	5	34	3%	-40%	1.574	63,0	0,6
HT1	(15)	0	(14)	6%	117%	3.816	21,0	1,1
KSB	86	2	88	6%	18%	1.148	12,0	0,7
CTD	249	4	253	5%	169%	1.087	11,0	1,0
HHV	9	13	21	6%	24%	4.974	10,0	0,5
VCG	(293)	(33)	(326)	35%	118%	6.465	3,6	1,1
BMP	67	(52)	15	42%	73%	819	8,5	3,6

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(190)	(20)	(210)	8%	29%	30.678	15,8	1,0
NT2	145	(4)	141	26%	300%	2.879	8,0	1,7
TV2	72	5	77	7%	-3%	675	32,0	2,0
GEG	50	0	50	15%	211%	3.583	8,6	0,9
REE	384	(15)	369	13%	15%	5.417	37,8	1,6
PC1	873	(16)	857	17%	38%	4.113	11,4	1,3

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(190)	(20)	(210)	8%	29%	30.678	15,8	1,0
TV2	72	5	77	7%	-3%	675	32,0	2,0
PVB	(6)	1	(5)	15%	-451%	216	10,6	1,5
GAS	128	13	141	17%	12%	24.129	17,4	2,9
PVS	601	208	809	12%	30%	5.114	12,0	1,4
PVD	139	46	185	6%	-224%	5.563	19,3	1,2

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Trụ/bluechips thanh khoản đỡ thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCB	603	(406)	197	16%	13%	83.557	13,9	2,2
FPT	110	(140)	(30)	27%	20%	17.035	13,8	3,0
VNM	618	126	745	26%	1%	20.900	13,7	3,7
HPG	505	(76)	429	12%	3%	76.755	13,2	1,6
BID	651	(355)	296	18%	31%	70.214	8,8	1,6
TCB	147	2	149	15%	10%	70.862	8,1	1,2
CTG	24	199	224	21%	-12%	77.669	7,8	1,5
VHM	293	(236)	57	19%	5%	41.074	10,3	1,7

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Nâng hạng FTSE & cải cách thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	110	(140)	(30)	27%	20%	17.035	13,8	3,0
VNM	618	126	745	26%	1%	20.900	13,7	3,7
HPG	505	(76)	429	12%	3%	76.755	13,2	1,6
VPB	518	60	578	15%	35%	79.339	8,7	1,2
MBB	143	(8)	135	21%	20%	80.550	7,7	1,4
VCB	603	(406)	197	16%	13%	83.557	13,9	2,2
TCB	147	2	149	15%	10%	70.862	8,1	1,2
VHM	293	(236)	57	19%	5%	41.074	10,3	1,7
SSI	375	(110)	265	14%	17%	24.931	13,4	1,7

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
NLG	278	(27)	251	7%	-2%	4.851	17,0	0,8
PDR	714	(1)	714	3%	-9%	9.978	30,9	1,3
KDH	253	(37)	216	8%	18%	11.222	28,0	1,4
DXG	877	(85)	792	3%	23%	11.141	62,7	0,7
VHM	293	(236)	57	19%	5%	41.074	10,3	1,7

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCK	(571)	203	(368)	21%	76%	15.218	12,5	1,5
TCX	32	140	172	16%	21%	23.113	21,4	2,8
VCI	(629)	175	(454)	10%	12%	8.501	14,4	1,1
MBS	72	4	77	15%	20%	6.673	12,7	1,8
VND	321	(48)	274	10%	5%	15.223	11,9	1,2
VIX	435	197	631	29%	209%	15.314	8,7	1,2
SHS	357	56	413	11%	68%	8.995	11,9	1,3
HCM	683	82	765	10%	5%	10.808	17,2	1,4
SSI	375	(110)	265	14%	17%	24.931	13,4	1,7

### 3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

**DANH SÁCH CỔ PHIẾU CÓ LỢI TỨC DỰ KIẾN  $\geq$  6% (SẮP XẾP THEO TỶ LỆ LỢI TỨC)**

STT	Mã CP	Sàn GD	Lợi tức dự kiến (*)	Cổ tức 2024 (đã trả)	Giá CP	KLGD 1 phiên	Quy mô LNTT 2025	Tăng trưởng LNTT 2025 (YoY)
1	VEA	UPCOM	13%	47%	35.500	984.500	7.599	0%
2	SCS	HOSE	11%	60%	53.600	285.500	940	20%
3	SAB	HOSE	10%	50%	48.750	1.886.100	5.652	0%
4	QTP	UPCOM	10%	12%	12.600	412.000	1.351	96%
5	MSH	HOSE	9%	35%	37.700	1.345.600	818	50%
6	TNG	HNX	9%	20%	21.200	4.323.500	484	24%
7	CHP	HOSE	8%	22%	27.150	16.500	487	47%
8	DPM	HOSE	6%	15%	24.700	6.412.400	1.353	102%
9	VNM	HOSE	6%	44%	69.100	6.695.900	11.650	0%

## 4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Thị trường		
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá	%	KLGD
<b>VCB</b>	616	(48)	567	12%	13%	83.557	18,8	2,3	59.500	53.326	15.811.100
<b>BID</b>	(29)	(172)	(201)	18%	31%	70.214	8,9	1,6	40.300	35.484	22.973.600
<b>CTG</b>	132	36	169	21%	25%	77.669	7,8	1,5	34.850	18.597	12.648.100
<b>TCB</b>	242	(0)	242	15%	10%	70.862	8,6	1,3	32.250	15.030	9.951.100
<b>VPB</b>	1.197	(16)	1.181	15%	35%	79.339	9,3	1,2	28.250	17.748	11.076.900
<b>HDB</b>	454	3	457	25%	28%	50.053	7,5	1,6	26.200	12.537	12.368.700
<b>TCX</b>	(71)	34	(37)	14%	21%	23.116	20,5	2,6	51.600	47.535	850.900
<b>VCI</b>	(455)	(51)	(506)	10%	12%	8.501	14,8	1,1	27.300	23.469	4.436.000

## 4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Thị trường		
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá	%	KLGD
FPT	335	(1.176)	(841)	27%	20%	17.035	13,8	3,0	76.000	70.340	6.113.500
HPG	(152)	264	111	12%	3%	76.755	13,9	1,6	28.000	21.155	32.543.400
PVS	(127)	13	(114)	12%	31%	5.114	10,9	1,2	38.700	34.867	14.159.283
PVD	204	(34)	170	6%	-224%	5.563	17,9	1,1	33.300	27.675	12.323.400
PNJ	50	4	54	23%	31%	3.413	13,3	2,8	111.000	81.605	2.252.400
VNM	(437)	(44)	(481)	26%	1%	20.900	13,6	3,7	61.300	59.127	5.090.400
MSN	1.073	211	1.284	16%	18%	14.459	27,9	2,5	79.500	67.000	6.018.600
MWG	1.255	207	1.462	23%	525%	14.697	18,2	3,9	86.900	41.860	5.950.600

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

*Báo cáo này được xây dựng bởi Khối Phân tích của Chứng khoán ASEAN (ASEANSC Research).*

*Báo cáo này bao gồm các nhận định chủ quan và dựa trên nguồn thông tin tin cậy và cơ sở phân tích chi tiết, cẩn trọng. ASEANSC không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ một cách tuyệt đối của các nguồn thông tin, đồng thời báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào.*

*Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các quyết định đầu tư của chính mình.*

*Các quan điểm và ước tính trong báo cáo của chúng tôi có giá trị đến ngày công bố báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. ASEANSC giữ bản quyền của báo cáo này. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của ASEANSC đều trái luật.*

### Head Office

4th-7th Floors, No. 3 Dang Thai Than, Cua Nam Ward, Hanoi City

### Branch

2nd Floor, No. 77-79 Pho Duc Chinh, Ben Thanh Ward, HCMC

**T** 1900 638 088

**E** [cskh@aseansc.com.vn](mailto:cskh@aseansc.com.vn)

**W** [aseansc.com.vn](http://aseansc.com.vn)



**Trung tâm  
Dữ liệu &  
phân tích thị trường**